

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST.
Ngày: 11-6-2021.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 267/2020/TLST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà D – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số a, đường N, phường C, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông M, Phó giám đốc Chi nhánh tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông T – Phó phòng giao dịch huyện Đắc Mil.

Địa chỉ: số A, đường T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Có mặt.

Gọi tắt ngân hàng

- Bị đơn: Anh H, vắng mặt

Địa chỉ: Bản L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện nhận ngày 13/11/2020 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày:

Ngày 14/8/2018, anh H thỏa thuận và ký hợp đồng tín dụng số LD1822600077

với ngân hàng vay số tiền 370.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 14/02/2023, lãi suất cho vay là 12,6%/năm trong 03 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh kể từ tháng thứ 4 trở đi theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 5,0%/năm và được Sacombank điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần nhưng không thấp hơn lãi suất ban đầu, lãi suất quá hạn 150%, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm. Việc trả gốc và lãi được thực hiện chia làm 5 kỳ, cụ thể theo giấy nhận nợ số 01/ LD1822600077:

Ngày 14/2/2019 trả: 20.000.000 đồng.

Ngày 14/2/2020 trả: 30.000.000 đồng.

Ngày 14/2/2021 trả: 40.000.000 đồng.

Ngày 14/2/2022 trả: 50.000.000 đồng.

Ngày 14/2/2023 trả: 230.000.000 đồng.

Để bảo đảm khoản vay, anh H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 15, 24 tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại Bản L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 1568/18/TC ngày 14/8/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng V và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil.

- Ngày 26/02/2019, anh H ký hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1905700494 với ngân hàng vay số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 26/02/2020, lãi suất cho vay là 17,5%/năm trong 01 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh kể từ tháng thứ 2 trở đi theo mức lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng lãi cuối kỳ VNĐ (LV13) + biên độ 10,6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn 150%, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm. Thời hạn trả theo kỳ cụ thể:

Ngày 26/8/2019 trả 1.000.000 đồng.

Ngày 26/2/2020 trả 45.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh H đã trả được: Ngày 14/11/2018, đã trả tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn 23.692.275 đồng của hợp đồng tín dụng số LD1822600077, còn nợ lại số tiền gốc 350.000.000 đồng. Ngày 26/2/2019, đã trả tiền gốc 1.000.000 đồng, ngày 26/8/2019 đã trả tiền gốc 2.238.750 đồng và tiền lãi 3.905.137 đồng của hợp đồng tín dụng LD1905700494, còn nợ lại tiền gốc 41.761.250 đồng.

Từ ngày 27/8/2019 cho đến nay anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng nói trên nên ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ của anh H sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/6/2021, anh H còn nợ và ngân hàng yêu cầu phải thanh toán như sau:

Hợp đồng tín dụng số LD1822600077: Tổng số tiền 464.016.985 đồng, trong đó tiền gốc 350.000.000 đồng, lãi trong hạn 103.365.587 đồng, lãi quá hạn 3.338.521 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 7.312.877 đồng.

Hợp đồng tín dụng số LD1905700494: Tổng số tiền 60.972.883 đồng, trong đó tiền gốc 41.761.250 đồng, lãi trong hạn 13.838.904 đồng, lãi quá hạn 4.870.774 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 501.955 đồng.

Từ ngày 12/6/2021, tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng (02 hợp đồng) cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp anh H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu xử lý đối với các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Anh H phải chịu án phí dân sự và các chi phí tố tụng phát sinh theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn anh H: Qua xác minh, anh H đi làm ở xa và thỉnh thoảng có mặt tại địa phương. Ông Q (bố đẻ anh H), ông B (anh Trai của anh H) và anh H thường xuyên vẫn liên lạc với nhau, ông Q và ông B nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt thay cho anh H và cam kết giao, thông báo lại nội dung các giấy tờ cho anh H.

Tuy nhiên, anh H vẫn vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ trên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, áp dụng các Điều 295; Điều 298; Điều 319; Điều 321; Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tổng số tiền là: 524.989.686 đồng, cụ thể:

Hợp đồng cho vay số LD1822600077, ngày 14/8/2018: Tiền vốn gốc: 350.000.000 đồng; lãi theo hợp đồng: 103.365.587 đồng; lãi quá hạn: 3.338.521 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 7.312.877 đồng.

Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD 905700494 ngày 26/02/2019: Tiền vốn gốc: 41.761.250 đồng; lãi theo hợp đồng: 13.838.904 đồng; lãi quá hạn: 4.870.774 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 501.955 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp anh H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo

là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 15, 24 tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại Bản L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo GCNQSDĐ số BB 773238 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 30/12/2009 để thu hồi nợ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng, buộc bị đơn phải hoàn lại số tiền chi phí tố tụng cho nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành giải quyết và tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Anh H vắng mặt, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, anh H phải chịu H quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Nội dung vụ án

[2.1] Theo hợp đồng tín dụng số LD1822600077, ngày 14/8/2018, anh H được vay và ngân hàng giải ngân số tiền 370.000.000đồng, thời hạn vay là 60 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 14/02/2023, lãi suất cho vay là 12,6%/năm trong 03 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh kể từ tháng thứ 4 trở đi theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ 12 tháng lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 5,0%/năm và được Sacombank điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần nhưng không thấp hơn lãi suất ban đầu, lãi suất quá hạn 150%, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm. Việc trả gốc và lãi được thực hiện chia làm 5 kỳ theo giấy nhận nợ số 01/ LD1822600077

Theo hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1905700494 ký ngày 26/02/2019, anh H vay và được ngân hàng giải ngân số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, thời điểm trả hết nợ là ngày 26/02/2020, lãi suất cho vay là

17,5%/năm trong 01 tháng đầu sau khi giải ngân và được điều chỉnh kể từ tháng thứ 2 trở đi theo mức lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ VNĐ (LV13) + biên độ 10,6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn 150%, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay, anh H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 15, 24 tờ bản đồ số 62 tại Bản L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 1568/18/TC ngày 14/8/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng V và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Đắk Mil.

Như vậy, việc giao kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên là có thật, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Yêu cầu trả nợ gốc: Ngày 14/02/2020, khi đến kỳ trả nợ theo thỏa thuận nhưng anh H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự do đó ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là có căn cứ, cần chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc của hợp đồng cho vay số LD1822600077, ngày 14/8/2018 là 350.000.000đồng và hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1905700494 ngày 26/02/2019 là: 41.761.250 đồng.

[4] Đối với yêu cầu lãi suất: Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và anh H theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả lãi tính đến ngày xét xử ngày 11/6/2021, cụ thể:

Hợp đồng cho vay số LD1822600077, ngày 14/8/2018: Lãi trong hạn: 103.365.587 đồng; lãi quá hạn: 3.338.521 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 7.312.877 đồng

Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1905700494 ngày 26/02/2019: Tiền lãi theo hợp đồng: 13.838.904 đồng; lãi quá hạn: 4.870.774 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 501.955 đồng

Anh H phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo trong hợp đồng tín dụng từ ngày 12/6/2021 cho đến khi trả xong nợ của hai hợp đồng nói trên.

[5] Đối với tài sản thế chấp:

[5.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp:

Khi vay anh H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 15, 24 tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại Bản L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo GCNQSDĐ số BB 773238 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 30/12/2009 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 1568/18/TC ngày 14/8/2018 được công chứng tại Văn phòng Công chứng V. Hợp đồng thế chấp được lập đúng

hình thức, nội dung và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[5.2] Về tài sản thế chấp: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2021 xác định thửa đất số 15, 24 tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại Bản L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo GCNQSDĐ số BB 773238 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 30/12/2009 cấp cho anh H phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh H phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (phòng giao dịch huyện Đắk Mil) số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định do ngân hàng đã nộp tạm ứng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại quy định Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Các Điều 299, 317, 323, 318, 319, 320, 357, 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng.

2. Buộc anh H phải trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2021) là: 524.989.686 đồng (*Năm trăm hai mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng*), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LD1822600077, ngày 14/8/2018: Tiền gốc: 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*); lãi trong hạn: 103.365.587 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng*); lãi quá hạn: 3.338.521 đồng (*Ba triệu ba trăm ba mươi tám nghìn năm trăm hai mốt đồng*); lãi phạt chậm trả lãi: 7.312.877 đồng (*Bảy triệu ba trăm mười hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng*).

- Hợp đồng tín dụng số LD1905700494, ngày 26/02/2019: Tiền gốc: 41.761.250 đồng (*Bốn mươi một triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*); lãi trong hạn: 13.838.904 đồng (*Mười ba triệu tám trăm ba mươi tám nghìn chín trăm lẻ bốn đồng*); lãi quá hạn: 4.870.774 đồng (*Bốn triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi tư đồng*); lãi phạt chậm trả lãi: 501.955 đồng (*Năm trăm lẻ một nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày (ngày 12/6/2021) tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Tài sản thế chấp: Trường hợp anh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 15, 24 tờ bản đồ số 62, tọa lạc tại Bản L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo GCNQSDĐ số BB 773238 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 30/12/2009 cấp cho anh H để thu hồi nợ (Hợp đồng thế chấp số 1568/18/TC ngày 14/8/2018)

3. Về án phí: Anh H phải nộp: 24.999.587 đồng (*Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín ngàn năm trăm tám mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.753.000đ (*Mười một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai số 0003726 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh H có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân hàng số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hồng Duy